TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 10-3-2020

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng
Bà Lê Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Lê A Pha - Kiểm sát V.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng, Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 12/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 25/02/2020 đối với bị cáo:

1. Lê Văn L, sinh ngày: 16/9/1991, tại TP.Đà Nẵng
Trú tại: Thôn Lệ Sơn N, xã Hòa T, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng
Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Lê Văn T và bà Trương Thị H; gia đình có 03 A chị em, bị cáo là con thứ 03.
Tiền án: Không
Tiền sự: Ngày 03/6/2018, bị Công an Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "*Đánh bạc"* theo điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ theo Quyết định số: 39/QĐ-XPVPHC.
Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Công B, sinh ngày: 17/4/1961, tại TP.Đà Nẵng
Trú tại: Thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng
Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Phan Công T và bà Đặng Thị C; gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 04; có vợ là Huỳnh Thị H và 03 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1992
Tiền án, tiền sự: Không
Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Cao Như T, sinh ngày: 07/11/1997, tại tỉnh Quảng N

Trú tại: Thôn Đức Ký N, xã Điện T, TXB, tỉnh Quảng N

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị ThA N; gia đình có 03 A em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn T, sinh ngày: 20/11/1980 tại TP. Đà Nẵng

Trú tại: Thôn L, xã Hòa T, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn H và bà Kiều Thị B; gia đình có 04 A em, bị cáo là con thứ 03, có vợ là Nguyễn Thị B và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án:

- Ngày 15/4/2016, bị TAND TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 04 tháng tù về tội: "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 248 BLHS tại Bản án số: 77/2016/HSST.

- Ngày 14/7/2016, bị TAND TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 15 tháng tù về tội: "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 248 BLHS tại Bản án số: 169/2016/HSST. Tổng hợp với 04 tháng tù của Bản án số: 77/2016/HSST, buộc chấp hành 19 tháng tù. Chấp hành án trở về địa phương vào ngày 27/6/2017.

Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Đức H, sinh ngày: 14/4/1975, tại TP.Đà Nẵng

Trú tại: Thôn Lệ S, xã Hòa T, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn T và bà L Thị T; gia đình có 04 A em, bị cáo là con thứ 03, có vợ là Nguyễn Thị L *(đã ly hôn năm 2016)* và 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Phan Tấn N, sinh ngày: 26/8/1991, tại tỉnh Quảng N

Trú tại: Thôn Đức Ký N, xã Điện T, thị xã Đ, tỉnh Quảng N

Nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phan Tấn N và bà Đặng Thị T; gia đình có 04 A em, bị cáo là con thứ 03, có vợ là Châu Thị Kiều T và 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Công H, sinh ngày: 27/4/1993, tại TP.Đà Nẵng.

Trú tại: Thôn G, xã C, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Công Â và bà Trần Thị N N; có vợ là Trần Thị Hồng Đ và 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Đình Đ, sinh ngày: 24/11/1979, tại TP.Đà Nẵng

Trú tại: Thôn Lệ Sơn N, xã Hòa T, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ; gia đình có 06 A chị em, bị cáo là con thứ 04

Tiền án: Ngày 26/8/2014, bị TAND TP.Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 5.000.000 đồng về tội: "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 248 BLHS tại Bản án số: 77/2014/HSST. Đến ngày 23/5/2019 mới chấp hành xong Bản án.

Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Văn T1, sinh ngày: 29/8/1987, tại tỉnh Quảng N.

Trú tại: Thôn T, xã Điện T, thị xã Đ, tỉnh Quảng N

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B; gia đình có 07 A chị em, bị cáo là con thứ 07.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10. Đặng Xuân S (tên gọi khác: **Tý**), sinh ngày: 11/02/1987, tại TP.Đà Nẵng

Trú tại: Thôn Lệ S, xã Hòa T, Huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con bà Đặng Thị M.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11. Đinh N L, sinh ngày: 29/9/1980, tại TP.Đà Nẵng

Trú tại: Thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đinh Svà bà Phạm Thị N; gia đình có 09 A chị em, bị cáo là con thứ 08, có vợ là Nguyễn Thị Lệ T và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12. Phan Công A, sinh ngày: 13/7/1983, tại TP.Đà Nẵng.

Trú tại: Thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phan Công H và bà Đinh Thị H; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 03, có vợ là Lê Thị T và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Lương T2, sinh ngày: 25/6/1982, tại TP.Đà Nẵng.

Trú tại: Tổ 16, phường A, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Lương B và bà Đỗ Thị

B; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02, có vợ là Lê Thị Mvà 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 31/3/2014, bị Tòa án nhân dân quận L xử phạt 09 tháng tù về tội: "*Cố ý gây thương tích*" tại Bản án số: 12/HSST.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị T3, sinh năm: 1968
Trú tại: Thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; có mặt.

2. Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1962
Trú tại: Tổ 16, phường A, quận L, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

3. Ông Đoàn Viết N, sinh năm 1957
Trú tại: Tổ 9, phường P, quận L, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Ông Phan Tấn N, sinh năm 1988
Trú tại: Thôn Đức Ký N, xã Điện T, TXB, tỉnh Quảng N

5. Ông Đặng Hào K, sinh năm 1962
Trú tại: Thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng; có mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn N V, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ ngày 22/5/2019, Công an Huyện Hòa Vang nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại khu vực đường bê tông thuộc thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa Vang có một số người đang tụ tập đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Nhận được tin báo, lực lượng Công an Huyện Hòa Vang T hành triển khai đến hiện trường thì phát hiện có một nhóm người đang tụ tập đánh xóc đĩa ăn thua bằng tiền trên đường bê tông thuộc thôn P, xã Hòa K. Khi thấy lực Công an, các con bạc bỏ chạy tán loạn. Tổ công tác của công an Huyện Hòa Vang đã T hành lập biên bản và giữ lại được 12 người rồi đưa về trụ sở để làm việc gồm: Lê Văn L, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Công H, Nguyễn T, Nguyễn Lương T2, Đặng Xuân S, Phan Công B, Phan Tấn N, Đinh N L và Đặng Hào K.

Ngoài ra, còn xác định được Phan Công A, Nguyễn Đức H và một số đối tượng tên Linh, Bảo và Nhỏ *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* đã bỏ chạy thoát. Sau đó, Cơ quan điều tra T hành triệu tập Phan Công A và Nguyễn Đức H lên làm việc thì cả hai khai nhận hành vi tham gia đánh bạc trái phép của mình cùng nhóm đối tượng trên.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 19 giờ ngày 22/5/2019, Phan Công B lấy một bộ chén đĩa và 04 con vị có sẵn trước hiên quán tạp hóa của bà Cao Thị T3 do những người khác chơi trước đó để lại mang ra khu vực đường bê tông trước quán của

bà T3 thuộc thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Tại đây, B ngồi rung xóc đĩa thì có Đinh N L, Đặng Hào K và một số đối tượng *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* tham gia chơi. Một lúc sau, nhóm người gồm có Lê Văn L, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Công H, Nguyễn T, Đặng Xuân S, Phan Tấn N, Nguyễn Đức H đến tham gia chơi. Khi thấy những người này đến thì Đặng Hào K nghỉ, không tham gia chơi nữa rồi đứng lên để xem. Các đối tượng trên tham gia đánh bạc mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng và tổng số tiền trên chiếu bạc mỗi ván có từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, chơi được một lúc thì Phan Công A vào thay Phan Công B cầm cái rung xóc đĩa. Sau đó, Phan Công A thua hết tiền nên đứng lên đưa người khác cầm cái rồi đi ra phía trước được khoảng 05 phút thì lực lượng Công an đến phát hiện, bắt giữ số tiền thu tại chiếu bạc là 800.000 đồng, trên người các đối tượng tổng số tiền 17.440.000 đồng. Tại thời điểm phát hiện, không xác định được ai là người cầm cái rung xóc đĩa.

Tang vật tạm giữ: 01 cái đĩa sứ; 01 cái chén sứ; 04 con vị xóc đĩa; 05 chiếc ghế nhựa loại có lưng tựa; Số tiền Việt N 800.000 thu trên sòng; Số tiền Việt N 17.440.000 đồng tạm giữ trên người của các đối tượng.

Qua quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an Huyện Hòa Vang đã chứng minh được số tiền mà các đối tượng đã sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

1. Phan Công B mang theo số tiền 600.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép, thắng được 600.000 đồng. Khi bị phát hiện, tạm giữ trên người số tiền 1.200.000 đồng.

2. Lê Văn L khai mang theo số tiền 720.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép, thua 600.000 đồng. Khi bị phát hiện, tạm giữ trên người số tiền 120.000 đồng.

3. Nguyễn Đình Đ mạng theo số tiền 1.500.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép, quá trình chơi thua hết số tiền trên.

4. Nguyễn Văn T1 mang theo số tiền 1.130.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc trái phép và thua hết. Còn lại 130.000 đồng tiền lẻ nên không tham gia đánh nữa mà cất lại trong ví. Khi bị phát hiện, tạm giữ trên người số tiền 130.000 đồng.

5. Cao Như T mang theo số tiền 4.160.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép, thắng được số tiền 600.000 đồng. Khi bị phát hiện, tạm giữ trên người số tiền 4.760.000 đồng.

6. Nguyễn Công H mang theo số tiền 3.000.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép, thắng được khoảng 800.000 đồng. Khi bị phát hiện, H bỏ chạy rồi bị giữ lại và đã vứt bỏ hết số tiền trên không thu giữ được.

7. Nguyễn T mang theo số tiền 2.400.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép, thua 300.000 đồng. Khi bị phát hiện tạm giữ trên người số tiền 2.100.000 đồng.

8. Phan Tấn N mang theo số tiền 6.500.000 đồng, sử dụng 2.500.000 đồng đưa cho H để góp cùng tham gia đánh bạc trái phép. Số tiền 4.000.000 đồng còn lại của A ruột N là Phan Tấn N gửi nhờ N mua nồi áp suất nấu cháo vịt. Khi bị phát hiện tạm giữ trên người số tiền 4.000.000 đồng.

9. Đặng Xuân S mang theo số tiền 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép và quá trình chơi đã thua hết số tiền này.

10. Đặng Hào K mang theo số tiền 170.000 đồng sử dụng để đánh bạc trái phép. Quá trình chơi cùng với Đinh N L, Phan Công B và một số đối tượng không xác định được nhân thân lai lịch thì thua hết 40.000 đồng rồi nghĩ đứng xem, không chơi nữa. Khi bị phát hiện tạm giữ trên người K số tiền 130.000 đồng.

11. Đinh N L mang theo số tiền 50.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép và quá trình chơi đã thua hết số tiền này.

12. Phan Công A mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép và quá trình chơi đã thua hết số tiền này.

13. Nguyễn Đức H mang theo 1.500.000 đồng sử dụng đánh bạc trái phép, N đưa cho H 2.500.000 đồng hùn tiền để H chơi thắng được khoảng 500.000 đồng. Khi bị phát hiện đã bỏ chạy và làm rơi mất hết số tiền trên không thu giữ được.

14. Nguyễn Lương T2 mang theo số tiền 5.500.000 đồng, trong đó 1.500.000 đồng của mẹ ruột là bà Đỗ Thị B đưa để mua vật liệu sản xuất bao bì ni L, số tiền còn lại 4.000.000 đồng T2 sử dụng đánh bạc trái phép. Khi T2 vừa rút tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng ra định đặt xuống mặt chẵn trên chiếu bạc thì lực lượng Công an đến kiểm tra nên T2 bỏ chạy rồi vứt bỏ tờ tiền trên không thu giữ được, sau đó bị giữ lại. Tạm giữ trên người số tiền 5.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng đã sử dụng vào việc đánh bạc là 22.770.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

1. Đối với 05 chiếc ghế nhựa loại có lưng tựa và số tiền Việt N 5.500.000 đồng trong tổng số tiền 17.440.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 05 chiếc ghế nhựa cho bà Cao Thị T3, số tiền 4.000.000 đồng cho ông Phan Tấn N và số tiền 1.500.000 đồng cho bà Đỗ Thị B là các chủ sỡ hữu hợp pháp nên không đề cập.

2. Đối với 01 cái đĩa sứ, 01 cái chén sứ, 04 con vị và tổng số tiền 12.740.000 đồng, trong đó 800.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, 11.940.000 còn lại thu giữ trên người các đối tượng, hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng bảo quản.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-HV ngày 13/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2 về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hòa Vang giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn

Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2 phạm tội "Đánh bạc" và đề nghị Hội đồng xét xử:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn T mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Nguyễn T mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đình Đ mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Nguyễn Đình Đ mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[3] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Văn L mức án từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Lê Văn L mức từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[4] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Cao Như T mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Cao Như T mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[5] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Công H mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Nguyễn Công H mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[6] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Nguyễn Văn T1 mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[7] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đức H mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Nguyễn Đức H mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[8] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phan Tấn N mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Phan Tấn N mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[9] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Đinh N L mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Đinh N L mức từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[10] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phan Công A mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Phan Công A mức từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[11] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phan Công B mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Phan Công B mức từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[12] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Đặng Xuân S mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Đặng Xuân S mức từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[13] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Lương T2 mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Nguyễn Lương T2 mức từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Đối với các bị cáo đề nghị xử phạt cải tạo không giam giữ đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Đối với ông Đặng Hào K, quá trình điều tra chứng minh được ông K sử dụng 170.000 đồng tham gia đánh bạc cùng với Phan Công B, Đinh N L và một số đối tượng bỏ chạy thoát không xác định được nhân thân lai lịch. Khi nhóm của Lê Văn L, Đặng Xuân S, Nguyễn Đức H, Phan Tấn N, Cao Như T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Công H, Nguyễn T, Nguyễn Đình Đ đến thì ông K nghĩ không chơi nữa mà đứng xem. Do đó, với các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện ông K tham gia đánh bạc với số tiền chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã cHển thông tin đến Công an Huyện Hòa Vang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật nên không đề cập đến.

Đối với các đối tượng Linh, Bảo và Nhỏ: Lê Văn L và Nguyễn Lương T2 khai nhận Linh và Bảo có tham gia đánh bạc trái phép cùng, Nhỏ là người gọi điện rủ L từ xã Hòa T lên xã Hòa K đánh xóc đĩa. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch, tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp nên không đề cập đến.

Đối với bà Cao Thị T3 không biết các bị cáo lấy ghế nhựa của mình để ngồi đánh bạc trái phép nên không đề cập xử lý là phù hợp nên không đề cập đến.

Về xử lý vật chứng:

1. Đối với 05 chiếc ghế nhựa loại có lưng tựa đây là tài sản của bà Cao Thị T3; số tiền Việt N 5.500.000 đồng (trong tổng số tiền 17.440.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng) trong đó có 4.000.000 đồng của ông Phan Tấn N và 1.500.000 đồng của bà Đỗ Thị B không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra ra Quyết định

xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho bà T3, ông N và bà B là phù hợp nên không đề cập.

2. Đối với 01 cái đĩa sứ, 01 cái chén sứ, 04 con vị, đây là các dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc trái phép nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

3. Đối với tổng số tiền 12.740.000 đồng; trong đó 800.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, 11.940.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng, hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng bảo quản. Đây là tiền sử dụng để đánh bạc trái phép nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì T3m.

Người liên quan T nhất với lời trình bày của các bị cáo và không có ý kiến gì T3m.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Viết N, bà Đỗ Thị B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của ông N, bà B. Do vậy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra V, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Hòa Vang, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hòa Vang, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai của các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2 tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở để xác định:

Vào khoảng 23 giờ 55 phút ngày 22/5/2019, tại khu vực đường bê tông thuộc thôn P, xã Hòa K, Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng; các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B,

Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2 đã có hành vi đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa, số tiền thu trên sòng bạc là 800.000 đồng và trên người các bị cáo là 17.440.000 đồng. Quá trình điều tra, chứng minh được các bị cáo mang theo và sử dụng tổng số tiền 22.770.000 đồng để đánh bạc trái phép.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2 đã đủ yếu tố cấu T1 tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng đã truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội. Khi tham gia đánh bạc các bị cáo đều là người trưởng T1, có đủ nhận thức về hành vi của mình, nhưng với bản tính thích đua đòi, muốn có tiền nhA chóng bằng các trò đánh bạc ăn thu bằng tiền, hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật.

Các bị cáo tham gia đánh bạc là bột phát, không có người đứng ra tổ chức, không có người thu xâu, cảnh giới; địa điểm đánh bạc là trên đường bê tông thuộc thôn P, xã Hòa K, số tiền đánh bạc có quy mô nhỏ. Hình thức đánh bạc là xóc đĩa, những người đánh bạc sử dụng một bộ chén đĩa và 04 con vị được cắt hình tròn từ lá bài tây, sau khi người cầm cái cho 04 con vị vào đĩa, úp chén lại và xóc rồi đặt xuống chiếu, những người còn lại đặt cược tiền vào mặt chẵn hoặc mặt lẻ, đây là hành thức nhiều người chơi với nhau, người xóc đĩa cũng là đặt cược, các bị cáo tự cân bằng tiền với nhau, số tiền các bị cáo thắng thua tương ứng với số tiền các bị cáo đặt cược ăn thua theo tỷ lệ 1 ăn 1. Nên trường hợp này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có vai trò ngang nhau nên chịu trách nhiệm ngang nhau về hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Cao Như T, Nguyễn Công H dùng số tiền đánh bạc cao hơn các bị cáo khác nên cũng cần cân nhắc xử bị cáo T và H ở mức cao hơn so với các bị cáo còn lại. Riêng bị cáo Nguyễn Lương T2 mang theo số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc, nhưng vừa đặt tiền ván đầu tiên, chưa giỡ được ván nào thì bị lực lượng công an ập vào bắt nên cần cân nhắc, xem xét mức hình phạt thấp hơn các bị cáo còn lại.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

[2.3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,

đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Lê Văn L là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2018; bị cáo Nguyễn Lương T2 là người đã có tiền án, ngày 31/3/2014 bị Tòa án nhân dân quận L xử phạt 09 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

Bị cáo Nguyễn T là người có hai tiền án về tội đánh bạc theo Bản án số: 77/2016/HSST ngày 15/4/2016 và Bản án số: 169/2016/HSST ngày 14/7/2016 đều của TAND TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk, tổng hợp hai bản án bị cáo phải chấp hành 19 tháng tù, bị cáo trở về địa phương vào ngày 27/6/2017; bị cáo Nguyễn Đình Đ là người có tiền án về tội đánh bạc theo Bản án số: 77/2014/HSST ngày 26/8/2014 của TAND TP.Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 5.000.000 đồng, chấp hành xong ngày 23/5/2019 nên lần phạm tội này của bị cáo T và Đ xác định là tái phạm thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2 đã khai báo T1 khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Văn L có ông, bà ngoại được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba; Phan Công B là quân nhân xuất ngũ, có cha, mẹ được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bằng khen trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Nguyễn T có bà nội được nhà nước tặng thưởng H chương kháng chiến hạng nhất; Nguyễn Công H và Phan Tấn N hiện đang có con nhỏ mới sinh năm 2018 và năm 2019; Nguyễn Đình Đ là quân nhân xuất ngũ; Nguyễn Lương T2 có cha được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, có bà nội được truy tặng dA hiệu bà mẹ Việt N A H, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy ngoài hình phạt chính, cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước đối với các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2, qua đó nhằm cải tạo giáo dục cũng như để răn đe phòng ngừa chung.

Xét thấy, các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L và Phan Công A có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bản thân các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Nguyễn Lương T2 vừa đặt tiền ván đầu tiên, chưa giữ được ván nào thì bị lực lượng công an ập vào bắt nên Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo L, B, T1, T, H, H, N, S, L, A và T2 ra ngoài xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn T và Nguyễn Đình Đ là người đã có tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội nên cần xử phạt bị cáo T, Đ một mức án nghiêm khắc, đúng với tính chất hành vi phạm tội, cần cách ly bị cáo T và Đ ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo xử phạt cải tạo không giam giữ đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

[3] Ngoài ra, trong vụ án này còn có:

3.1. Đối với ông Đặng Hào K, quá trình điều tra chứng minh được ông K sử dụng 170.000 đồng tham gia đánh bạc cùng với Phan Công B, Đinh N L và một số đối tượng bỏ chạy thoát không xác định được nhân thân lai lịch. Khi nhóm của Lê Văn L, Đặng Xuân S, Nguyễn Đức H, Phan Tấn N, Cao Như T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Công H, Nguyễn T, Nguyễn Đình Đ đến thì ông K nghĩ không chơi nữa mà đứng xem nên hành vi đánh bạc của ông K với số tiền chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan điều tra đã cHển thông tin đến Công an Huyện Hòa Vang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3.2. Đối với các đối tượng Linh, Bảo và Nhỏ: Lê Văn L và Nguyễn Lương T2 khai nhận Linh và Bảo có tham gia đánh bạc trái phép, Nhỏ là người gọi điện rủ L từ xã Hòa T lên xã Hòa K đánh xóc đĩa. Cơ quan điều tra đã xác minh, nhưng không biết về nhân thân lai lịch của Linh, Bảo và Nhỏ nên tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3.3. Đối với bà Cao Thị T3 không biết các bị cáo lấy ghế nhựa của mình để ngồi đánh bạc trái phép nên không đề cập xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3.4. Đối với xe ô tô biển kiểm soát 43A-236.45 đứng tên ông Đoàn Viết N, khi bị cáo Phan Tấn N thuê để sử dụng, sau đó N điều khiển chở các bị cáo đến điểm đánh bạc ngày 22/5/2019. Việc N lái xe ô tô chở các bị cáo đến điểm đánh bạc ông N hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra không đề cấp xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về xử lý vật chứng:

4.1. Đối với 05 chiếc ghế nhựa loại có lưng tựa đây là tài sản của bà Cao Thị T3; số tiền Việt N 5.500.000 đồng (trong tổng số tiền 17.440.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng), trong đó có 4.000.000 đồng của ông Phan Tấn N và 1.500.000 đồng của bà Đỗ Thị B không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho bà T3, ông N và bà B là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4.2. Đối với 01 cái đĩa sứ, 01 cái chén sứ, 04 con vị, đây là các dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

4.3. Đối với số tiền 12.740.000 đồng hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng đang giữ. Đây là tiền sử dụng để đánh bạc trái phép nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[5] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hòa Vang tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng, cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[6] Xét ý kiến trA luận của các bị cáo, lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến trA luận gì về tội dA cũng như mức hình phạt mà Đ diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Ý kiến của các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Công H, Phan Tấn N;

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A;

Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Đình Đ.

Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Lương T2.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn L, Phan Công B, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn T1, Cao Như T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Công H, Phan Tấn N, Đặng Xuân S, Đinh N L, Phan Công A và Nguyễn Lương T2 phạm tội "Đánh bạc".

3. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Đình Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Bị cáo Lê Văn L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Cao Như T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Nguyễn Công H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Nguyễn Đức H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Phan Tấn N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Đinh N L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Phan Công A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Phan Công B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Đặng Xuân S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Nguyễn Lương T2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Đức H và Đặng Xuân S cho Ủy ban nhân dân xã Hòa T, Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hòa T trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo Phan Công B, Đinh N L và Phan Công A cho Ủy ban nhân dân xã Hòa K, Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hòa K trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo Cao Như T, Phan Tấn N và Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Điện T, thị xã Đ, tỉnh Quảng N giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Điện T trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Công H cho Ủy ban nhân dân xã C, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Lương T2 cho Ủy ban nhân dân phường A, quận L, TP. Đà Nẵng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

4. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tiền các bị cáo Lê Văn L 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Phan Công B 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Đinh N L 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Phan Công A 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Đặng Xuân S 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Nguyễn Lương T2 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); Nguyễn Đức H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Nguyễn Đình Đ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Nguyễn Văn T1 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Nguyễn T 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Phan Tấn N 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Nguyễn Công H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Cao Như T 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái đĩa sứ, 01 cái chén sứ, 04 con vị.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 12.740.000đ (mười hai triệu B trăm B mươi ngàn đồng).

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hòa Vang đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/01/2020; Số tiền nộp theo Biên lai thu tiền số 005921 ngày 16/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hòa Vang).

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.0 00đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về thời hạn kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/3/2020. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đỗ Thị B, ông Đoàn Viết N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Huyện Hoà Vang;*
- *Công an Huyện Hoà Vang;*
- *Chi cục THADS Huyện Hoà Vang;*
- *Phòng TTCV và THAHS-TAND TP.Đà Nẵng;*
- *VKSND TP.Đà Nẵng;*
- *Sở Tư pháp TP.Đà Nẵng;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Anh